SỞ Y TẾ THANH HÓA
BỆNH VIỆN ĐA KHOA HÀ TRUNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1223 /QĐ-BVHT

Hà Trung, ngày 30 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu
Dự toán mua sắm: Mua bổ sung thuốc Generic
tại Bệnh viện Đa khoa Hà Trung năm 2026-2027 (lần 4)

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA HÀ TRUNG

Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật số 44/2024/QH15; Nghị định số 163/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dược;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15; Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15; Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15; Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Y tế: số 20/2022/TT-BYT ngày 31/12/2022 ban hành danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với thuốc hóa dược, sinh phẩm, thuốc phóng xạ và chất đánh dấu thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế; số 03/2024/TT-BYT ngày 16/4/2024 ban hành danh mục thuốc có ít nhất 03 hãng trong nước sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc tương đương EU-GMP và đáp ứng tiêu chí kỹ thuật theo quy định của Bộ Y tế và về chất lượng, giá, khả năng cung cấp; số 04/2024/TT-BYT ngày 20/4/2024 quy định danh mục mua sắm tập trung cấp quốc gia đối với thuốc; số 05/2024/TT-BYT ngày 14/5/2024 quy định danh mục thuốc, thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm được áp dụng hình thức đàm phán giá và quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu áp dụng hình thức đàm phán giá; số 40/2025/TT-BYT ngày 25/10/2025 quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập; số 37/2024/TT-BYT ngày 16/11/2024 quy định nguyên tắc, tiêu chí xây dựng, cập nhật, ghi thông tin, cấu trúc danh mục và hướng dẫn thanh toán đối với thuốc hóa dược, sinh phẩm, thuốc phóng xạ và chất đánh dấu thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá: số 1508/QĐ-UBND ngày 17/4/2024 về việc phê duyệt phương án mua sắm tập trung thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế năm 2024-2026; số 2020/QĐ-UBND ngày 21/5/2024 về việc phê duyệt Danh mục thuốc mua sắm tập trung cấp địa phương năm 2024-2026;

Căn cứ Quyết định của Giám đốc Sở Y tế Thanh Hoá: số 1550/QĐ-SYT ngày 11/9/2025 về việc giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Y tế giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ các văn bản hướng dẫn của Giám đốc Sở Y tế Thanh Hoá: số 6000/SYT-NVYD ngày 15/9/2025 về việc hướng dẫn thực hiện các thuốc ĐTTTQG giai đoạn 2024-2026; số 4795/SYT-NVYD ngày 29/5/2026 về việc chủ động mua sắm thuốc tại các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Hội đồng mua sắm thuốc tại Tờ trình số 20/TTr-HĐMS ngày 23/7/2026 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua bổ sung thuốc Generic tại Bệnh viện Đa khoa Hà Trung năm 2026-2027 (lần 4).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua bổ sung thuốc Generic tại Bệnh viện Đa khoa Hà Trung năm 2026-2027 (lần 4) với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Giao Hội đồng mua sắm thuốc chịu trách nhiệm phối hợp với các tổ chức và cá nhân có liên quan tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các tổ chức, cá nhân có tên ở Điều 2 và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. (Huế)

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (t/h);
- Sở Y tế (để b/c);
- Lưu: VT, DUOC.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH THANH HÓA
BỆNH VIỆN ĐA KHOA HÀ TRUNG

Vũ Văn Chính

Số: 1223/QĐ-BVHT; 30/10/2026; 14:9:2

Phụ lục I
KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU DỰ TOÁN MUA SẮM:
MUA BỔ SUNG THUỐC GENERIC TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA HÀ TRUNG NĂM 2026-2027 (LẦN 4)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVHT ngày /10/2026 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Hà Trung)

Stt	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu								
1	Bệnh viện Đa khoa Hà Trung	Mua bổ sung thuốc generic tại Bệnh viện Đa khoa Hà Trung năm 2026-2027 (lần 4)	Lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc generic gồm 22 danh mục (mỗi danh mục là một phần của gói thầu), chi tiết tại phụ lục II	**661.139.740**	Nguồn thu sự nghiệp y tế tại Bệnh viện Đa khoa Hà Trung	Chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn	60 ngày	Quý IV năm 2026	Hợp đồng theo đơn giá cố định	Không quá 12 tháng kể từ ngày Hợp đồng được ký kết và có hiệu lực.	Không áp dụng
Tổng giá gói thầu:				**661.139.740** đồng *(Bằng chữ: Sáu trăm sáu mươi mốt triệu, một trăm ba chín nghìn bảy trăm bốn mươi đồng)./.*							

Số: 1223/QĐ-BVHT; 30/10/2026; 14:9:26

Phụ lục II

CHI TIẾT DANH MỤC THUỐC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU DỰ TOÁN MUA SẮM: MUA BỔ SUNG THUỐC GENERIC TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA HÀ TRUNG NĂM 2026-2027 (LẦN 4)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVHT ngày /10/2026 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Hà Trung)

STT	STT theo TT 20/2022/TT-BYT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	910	Clorpromazin	4	25mg/2ml; 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/ Lọ/ống	450	2.100	945.000
2	7	Fentanyl	1	0.1mg/2ml; 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/ Lọ/ống	1.400	28.455	39.837.000
3	814	Huyết thanh kháng uốn ván	4	1.500UI	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/ Lọ/Ống/túi	520	34.852	18.123.040
4	134	Nor-epinephrin (Nor- adrenalin)	4	1mg/ 1ml; 1ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	800	3.000	2.400.000
5	693	Metoclopramid	1	10mg/ 2ml; 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/ Lọ/ống	600	14.200	8.520.000
6	21	Propofol	2	1%/20 ml; 20ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	2.700	23.500	63.450.000
7	949	Piracetam	4	1g/5ml; 5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	28.000	1.710	47.880.000
8	56	Paracetamol (acetaminophen)	4	1g/100ml; 100ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	1.600	8.505	13.608.000
9	554	Dobutamin	4	250mg/50ml; 50ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	250	79.000	19.750.000
10	561	Alteplase	1	50mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	5	10.830.000	54.150.000
11	494	Amiodaron hydroclorid	4	150 mg/3ml; 3ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	20	24.000	480.000
12	454	Enoxaparin (natri)	1	4000IU/0,4ml; 0,4ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Bơm tiêm	50	70.000	3.500.000
13	1001	Ringer lactat	4	500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi	3.300	6.892	22.743.600

STT	STT theo TT 20/2022/TT-BYT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (đồng)	Thành tiền (đồng)
14	997	Natri clorid	4	0,9%/500ml; 500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi	40.000	6.200	248.000.000
15	953	Budesonid	4	0,5mg/ 2ml; 2ml	Đường hô hấp	Dung dịch/ hỗn dịch khí dung	Chai/Lọ/Ống	3.600	12.600	45.360.000
16	954	Budesonid + formoterol	1	160mcg+ 4,5mcg; 60 liều	Dạng hít	Thuốc hít định liều/ phun mù định liều	Chai/Bình/Lọ/Ống	40	219.000	8.760.000
17	917	Levomepromazin	4	25mg	Uống	Viên	Viên	32.000	520	16.640.000
18	993	Kali Clorid	4	500mg	Uống	Viên	Viên	6.600	800	5.280.000
19	714	Sorbitol	2	5g	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	5.000	2.300	11.500.000
20	233	Ciprofloxacin	4	500mg	Uống	Viên	Viên	18.700	436	8.153.200
21	774	Progesteron	2	200mg	Uống	Viên	Viên	1.700	12.600	21.420.000
22	494	Amiodaron hydroclorid	1	200mg	Uống	Viên	Viên	100	6.399	639.900
Cộng: 22 khoản./.								**Tổng tiền:**		**661.139.740**